

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THÉP TÂN TRANG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI THÉP TÂN TRANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAN TRANG STEEL TRADING AND MANUFACTURING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110418713

3. Ngày thành lập: 17/07/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô A5, Điểm công nghiệp thôn Vĩnh Lộc, Xã Phùng Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0945.333.500

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá; Trừ môi giới chứng khoán, bảo hiểm)	4610
6.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn quặng kim loại Bán buôn sắt, thép Bán buôn kim loại khác (Trừ kinh doanh vàng miếng và vàng nguyên liệu)	4662(Chính)
7.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh; Trừ hợp báo)	8230
8.	Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói thuốc trừ sâu)	8292

9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (Loại trừ dịch vụ báo cáo tòa án, hoạt động đấu giá độc lập, dịch vụ lấy lại tài sản)	8299
10.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
11.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
12.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
13.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
14.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
15.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
16.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (Trừ vàng miếng; Trừ loại Nhà nước cấm)	2420
17.	Đúc sắt, thép	2431
18.	Đúc kim loại màu (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	2432
19.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
20.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
21.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
22.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
23.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
24.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
25.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Trừ sản xuất huân chương, huy hiệu)	2599
26.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
27.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản; Trừ kho ngoại quan)	5210
28.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
29.	Bốc xếp hàng hóa	5224
30.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ hoạt động dịch vụ hàng không và hoa tiêu)	5229
31.	Tái chế phế liệu	3830
32.	Xây dựng nhà để ở	4101
33.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
34.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
35.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
36.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

